

**NỘI DUNG ÔN THI MÔN CHUYÊN MÔN TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN  
THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC NGÀNH DƯỢC**

*(Theo thông báo số 320/TB-DHN ngày 14/5/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Dược Hà Nội về việc tuyển sinh đại học hệ liên thông từ trung cấp lên đại học)*

**I. Bào chế:**

1. Kỹ thuật cất nước và tiêu chuẩn nước cất.
2. Kỹ thuật khử khuẩn trong bào chế.
3. Kỹ thuật bào chế và tiêu chuẩn chất lượng viên nén - Các đơn và công thức viên nén điển hình.
4. Kỹ thuật bào chế và tiêu chuẩn chất lượng sirô đơn và sirô thuốc - Các công thức và đơn sirô thuốc điển hình.
5. Kỹ thuật bào chế và tiêu chuẩn chất lượng thuốc nhỏ mắt - Các công thức và đơn thuốc điển hình.

**II. Dược liệu:**

- Phương pháp thu hái, sơ chế, bảo quản dược liệu;  
- Mô tả hình thái thực vật, bộ phận dùng, hoạt chất chính, công dụng, cách dùng, liều dùng của các cây thuốc, vị thuốc sau:

- |                       |                |                 |
|-----------------------|----------------|-----------------|
| 1. Bình vôi           | 9. Mạch môn    | 16. Đảng sâm    |
| 2. Sen                | 10. Trần bì    | 17. Hà thủ ô đở |
| 3. Cúc hoa            | 11. Hoè        | 18. Tam thất    |
| 4. Xuyên khung        | 12. Trúc đào   | 19. Kim ngân    |
| 5. Cam thảo bắc       | 13. Gừng       | 20. Hương phụ   |
| 6. Thanh hao hoa vàng | 14. Hoàng liên | 21. Ích mẫu     |
| 7. Ô đầu              | 15. Quế        | 22. Nghệ        |
| 8. Bách bộ            |                |                 |

**III. Hoá dược - Dược lý:**

Trình bày tính chất, tác dụng, dạng bào chế, liều lượng, cách dùng, tác dụng phụ, những chú ý khi sử dụng, bảo quản của các thuốc sau:

- |                   |                   |
|-------------------|-------------------|
| 1. Paracetamol    | 11. Lincomycin    |
| 2. Diclofenac     | 12. Tetracyclin   |
| 3. Rifampicin     | 13. Hydrocortison |
| 4. Albendazol     | 14. Quinin sulfat |
| 5. Lidocain       | 15. Metronidazol  |
| 6. Nystatin       | 16. Vitamin C     |
| 7. Clorpheniramin | 17. Vitamin B6    |
| 8. Amoxicilin     | 18. Vitamin E     |
| 9. Gentamicin     | 19. Aspirin       |
| 10. Erythromycin  |                   |

**IV. Tổ chức quản lý dược:**

1. Quy chế nhãn thuốc và nhãn hiệu hàng hoá của thuốc.
2. Quy chế hành nghề dược.
3. Công tác hợp lý, an toàn thuốc.

**Tài liệu học tập:** theo tài liệu đào tạo trung cấp Dược của Trường Đại học Dược Hà Nội.